

Bản án số 60/2026/DS-ST

Ngày 12.5.2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Nguyễn Tý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận khu vực 3, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 718/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tr - sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 256 Trần Cao Vân, phường T, thành phố Đ . (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1970 và Ông Lê Hà L – Sinh năm 1968; Địa chỉ: K236/3 Trần Cao Vân, phường T, thành phố Đ . (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ hàng xóm thân thiết nên vào ngày 10/3/2019 bà Nguyễn Thị Thanh T có mượn tôi số tiền là 130.000.000 đồng và hẹn vào ngày 10/4/2019 sẽ trả đủ, hai bên không có thoả thuận lãi. Tuy nhiên, quá thời hạn bà Trâm không trả, tôi có nhắn tin nhiều lần yêu cầu bà Trâm trả nhưng bà Trâm xin trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng và đến ngày 15/12/2021 thì trả được số tiền 51.500.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 78.500.000 đồng thì không trả nữa. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc hai vợ chồng ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền nợ là 108.644.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm là ngày 16/12/2021 đến ngày khởi kiện là 27/11/2025 với mức lãi suất 0.8%/tháng là 30.144.000 đồng).

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 78.500.000 đồng và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 30.144.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên toà nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

- Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Tôi thừa nhận vào ngày 10/3/2019 vay số tiền 130.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh Tr , vay mượn không lãi suất và hẹn 01 ngày 10/4/2019 sẽ trả đủ, mục đích là cho bạn mượn. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền tôi không có khả năng trả nên đã xin bà Trúc cho tôi trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng và đến ngày 15/12/2021, tôi đã trả được số tiền là 51.500.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 78.500.000 đồng, từ đó đến nay tôi không có điều kiện trả nợ nữa vì hoàn cảnh khó khăn. Việc vay mượn tiền giữa tôi và bà Nguyễn Thị Thanh Tr là tiền tôi vay hộ cho bạn nên chồng tôi là Lê Hà L không biết, tôi không sử dụng số tiền này để trang trải sinh hoạt trong gia đình nên ông Lê Hà L không liên quan đến việc trả nợ này cho bà Trúc. Nay bà Trúc khởi kiện buộc tôi trả số tiền 108.644.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm là ngày 15/12/2021 đến ngày khởi kiện là 27/11/2025 với mức lãi suất 0.8%/tháng là 30.144.000 đồng) thì tôi chỉ đồng ý trả nợ gốc là 78.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số lãi chậm thanh toán là 30.144.000 đồng thì tôi không chấp nhận.

- Ông Lê Hà L trình bày: Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh T, việc vay mượn tiền giữa vợ tôi và bà Nguyễn Thị Thanh Tr thì tôi không biết, bà Trúc cho vợ

tôi mượn bao nhiêu tiền và vợ tôi dùng vào việc gì cũng không nói cho tôi. Do đó, nay bà Trúc khởi kiện bà Trâm và tôi cùng trả nợ gốc là 78.500.000 đồng là không đúng vì đây không phải là khoản nợ chung của hai vợ chồng tôi. Tôi không đồng ý trả khoản nợ này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 203, 205, 208 đến 211, 220, 233 BLTTDS năm 2015; HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định từ Điều 239 đến 243, Điều 249 đến 252, Điều 258 đến 260 BLTTDS năm 2015; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, bà Nguyễn Thị Thanh Tr đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 71 BLTTDS. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Hà L chưa thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Cụ thể: Vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa hôm nay.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 BLDS; khoản 2 Điều 244 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr đối với bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trâm có nghĩa vụ trả cho bà Trúc số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trúc về việc buộc ông Lê Hà L phải liên đới cùng với bà Trâm trả số tiền 78.500.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu bà Trúc về việc yêu cầu ông Linh và bà Trâm trả số tiền 30.144.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I]. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr khởi kiện yêu cầu ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 108.644.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 30.144.000 đồng). Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là các tin nhắn điện thoại được nguyên đơn giao nộp qua bản Vi bằng số 117/2026/VB-TPLTT ngày 05/02/2026 của Văn phòng Thừa Phát lại Trọng Tín, thành phố Đà Nẵng và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có sự thỏa thuận về việc giao nhận tiền, thời hạn trả và mục đích vay mượn. Bà Trâm cũng đã thừa nhận có nhận số tiền 130.000.000 đồng và hứa hẹn thời gian hoàn trả nhưng chỉ trả được số tiền 51.500.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 78.500.000 đồng chưa thực hiện. Xét thấy, mặc dù hai bên không lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản có chữ ký, nhưng hình thức giao dịch qua thông tin nhắn điện thoại đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không thay đổi về nội dung cốt lõi và phạm vi số tiền đòi nợ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T hiện đang có trụ sở tại K236/3 Trần Cao Vân, phường T, thành phố Đ nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[II]. Về nội dung:

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng và xin rút yêu cầu buộc ông Linh, bà Trâm phải số tiền trả lãi chậm thanh toán là 30.144.000 đồng.

Xét yêu cầu đòi số tiền 78.500.000 đồng của nguyên đơn: Căn cứ dữ liệu tin nhắn đối chiếu với Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có phát sinh giao dịch vay mượn số tiền gốc ban đầu là 130.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T thừa nhận có vay tiền của bà Trúc và đã hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 51.500.000 đồng hiện còn nợ số tiền nợ gốc là 78.500.000 đồng. Việc thừa nhận nợ của bà Trâm là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc cả hai vợ chồng ông Linh và bà Trâm phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Dù vào thời điểm bà Trâm vay tiền của bà Trúc là tháng 3/2019 thì bà Trúc và ông Linh còn là vợ chồng nhưng các chứng cứ do bà Trúc cung cấp là nội dung tin nhắn điện thoại thể hiện việc vay tiền nhưng không có sự trao đổi với ông Linh. Bà Trúc cũng không chứng minh được mục đích vay tiền của bà Trâm để sử dụng vào mục đích chung của gia đình vợ chồng của bà Trúc và ông Linh; đồng thời ông Linh và bà Trâm cũng không thừa nhận lời trình bày này của bà Trúc. Ông Linh cho rằng không biết việc bà Trâm đã vay tiền của bà Trúc.

Theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vợ chồng chỉ phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc phù hợp với quy định về đại diện giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền vay 130.000.000 đồng nêu trên đã được bà Trâm đem về sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, hay dùng để duy trì, phát triển khối tài sản chung của vợ chồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy khoản nợ vay 130.000.000 đồng là giao dịch dân sự riêng biệt do cá nhân bà Trâm thực hiện, không phát sinh từ mục đích chung của gia đình vợ chồng và thực tế đến nay chỉ có một mình bà Trâm thực hiện việc trả nợ cho bà Trúc được số tiền 51.500.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản nợ này được xác định là nghĩa vụ riêng về tài sản của cá nhân bà Trâm và do bà Trâm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Trúc nên bà Trúc khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trâm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 78.500.000 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Linh phải liên đới chịu trách nhiệm cùng bà Trâm trả số tiền nợ gốc còn lại là 78.500.000 đồng là không có căn cứ pháp luật. Ông Linh không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ lãi: Trong đơn khởi kiện cũng như trong lời khai ban đầu của mình nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu ông Lê Hà L và bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm là ngày 15/12/2021 đến ngày khởi kiện là 27/11/2025 với mức lãi suất 0.8%/tháng là 30.144.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà Trúc xin rút yêu cầu này. Việc bà Trúc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, căn cứ vào khoản

2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi là 30.144.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tr được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $78.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.925.000 \text{ đồng}$.

[3]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 375, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 và Điều 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tr đối với bà Nguyễn Thị Thanh T về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền 78.500.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tr về việc buộc ông Lê Hà L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền 78.500.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng*).

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu số tiền 30.144.000 đồng (*Ba mươi triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr .

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 3.925.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí là 2.716.100 đồng (*Hai triệu, bảy trăm mười sáu ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0007533 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Hà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trương Thị Hồng Thủy

